**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN YÊN THÀNH**
**TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 69/2019/HS-ST
Ngày 01/7/2019.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Sỹ Cường.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Đức Quỳnh
Ông Nguyễn Văn Dũng
***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:***
Bà Lại Thị Hiền - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 07/10/1985, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: xóm 8, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; vợ: Trần Thị Q, sinh năm 1988; con: có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không. Tiền sự: không; nhân thân: Ngày 07/8/2009 bị TAND huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 78/2009/HSST. Đã chấp hành xong. Ngày 24/12/2014 bị TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc tại bản án số 78/2014/HSST, đã chấp hành xong bản án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2019 đến ngày 09/02/2019, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

2. Họ và tên **Lê Xuân L**, sinh ngày 30/4/1965, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: xóm 9, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn) 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Phan Thị C (đã chết); vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án: Không. Tiền sự: không; nhân thân: Ngày 02/8/1995 bị TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân tại bản án số 09/1995/HSST, đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/2/2019 đến ngày 10/2/2019, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

3. Họ và tên **Phan Quốc Đ** - sinh ngày 27 tháng 9 năm 1993, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: xóm 7, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quốc Đ, sinh năm 1972 và bà Phan Thị H, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến 01/5/2019.

4. Họ và tên **Nguyễn Đăng Q** - sinh ngày 05 tháng 01 năm 1981, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 8, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1943; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Có ba con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2019 đến ngày 10/02/2019, sau áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

5. Họ và tên **Nguyễn Văn P** - sinh ngày 28 tháng 5 năm 1987, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 8, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2019 đến ngày 09/02/2019, sau áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

6. Họ và tên **Nguyễn Duy Đ1** - sinh ngày 10 tháng 10 năm 1982, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 9, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1944 và bà Phan Thị H, sinh

năm 1953; vợ: Trương Thị Thu H, sinh năm 1982; con: có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

7. Họ và tên **Phan Văn H** - sinh ngày 03 tháng 7 năm 1988, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 9, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quốc T, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Q (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2019 đến ngày 12/02/2019, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

8. Họ và tên **Nguyễn Văn N1** - sinh ngày 05 tháng 5 năm 1983, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 12, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Ư, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; vợ: Phan Thị H, sinh năm 1987; con: có ba con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2019 đến ngày 09/02/2019, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

9. Họ và tên **Nguyễn Duy H1** - sinh ngày 23 tháng 9 năm 1989, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 9, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy C (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1944; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, con: có một con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2019 đến ngày 09/02/2019, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

10. Họ và tên **Nguyễn Văn H2** - sinh ngày 23 tháng 8 năm 1991, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 8, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1990, con: có một con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2019 đến ngày 10/02/2019, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

11. Họ và tên **Nguyễn Quế T** - sinh ngày 18 tháng 10 năm 1968, tại xã V,

huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 7, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quế T (đã chết) và bà Phan Thị D, sinh năm 1943; vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1960, con: có ba con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất 2005; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2019 đến ngày 12/02/2019, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

12. Họ và tên **Nguyễn Duy H3** - sinh ngày 10 tháng 11 năm 1977, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 9, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1945; vợ: Phạm Thu H, sinh năm 1981, con: có ba con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 06/5/2019 cho tại ngoại.

13. Họ và tên **Nguyễn Phúc V** - sinh ngày 10 tháng 6 năm 1982, tại xã V, huyện Y, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 8, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1952 và bà Phan Thị S, sinh năm 1952; vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1994, con: có hai con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2019 đến ngày 10/02/2019, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/5/2019.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 06/02/2019 Nguyễn Duy H3 đi từ nhà mình đến khu vực giếng làng thuộc xóm 9, xã V, huyện Y, tỉnh N chơi thì gặp Lê Xuân L, Phan Quốc Đ, Nguyễn Đăng Q, Phan Văn H và Nguyễn Văn N là người cùng xã đang đứng chơi tại khu vực giếng làng. Lúc này, tại khu vực giếng làng có một chiếc chiếu nhựa màu nâu vàng, một chiếc bát sứ, một chiếc đĩa sứ và bốn quân vị được cắt ra từ bìa cứng nên Nguyễn Duy H3, Lê Xuân L, Phan Quốc Đ, Nguyễn Đăng Q, Phan Văn H và Nguyễn Văn N cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, mức cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng.

Đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa: Dùng một chiếc bát sứ, một chiếc đĩa sứ và

bốn quân vị hình tròn được cắt ra từ bìa cứng có đặc điểm giống nhau, mỗi quân vị có hai mặt có hai màu phân biệt (vàng- sẫm). Người chơi bao gồm người cầm cái và người tham gia đặt cược. Người cầm cái sẽ bỏ bốn quân vị vào đĩa rồi úp chiếc bát lại, lắc đều rồi đặt lên chiếu, nhứng người tham gia sẽ đặt cược theo hai lựa chọn là cửa chẵn và cửa lẻ, trong đó: Cửa chẵn là: Nếu hai quân vị cùng màu vàng, hai quân vị cùng màu sẫm hoặc bốn quân vị cùng màu vàng, bốn quân vị cùng màu sẫm. Cửa lẻ là: Một quân vị màu vàng, ba quân vị màu sẫm hoặc một quân vị màu sẫm, ba quân vị màu vàng. Người tham gia đặt cược sẽ đặt cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng về một trong hai cửa chẵn hoặc cửa lẻ. Sau khi đặt cược xong, người cầm cái sẽ mở bát đối chiếu kết quả, nếu kết quả xuất hiện cửa mà người tham gia đặt cược đã đặt cược thì người đó thắng cược và sẽ được người cầm cái trả số tiền tương ứng với số tiền người đó đã đặt cược; nếu cửa mà người tham gia đặt cược đã đặt cược không xuất hiện thì người cầm cái thắng và người đặt cược sẽ mất số tiền đã đặt cược.

Nguyễn Văn H4 cầm cái khoảng 20 phút, do H4 hết tiền nên Phan Quốc Đ cầm cái thay còn Nguyễn Văn H4 ngồi xem một lúc rồi ra về. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì Nguyễn Duy H1, Nguyễn Văn H2 cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, do Phan Quốc Đ hết tiền nên Nguyễn Văn N cầm cái thay, tỷ lệ đặt cược tăng từ 50.000 đồng lên 500.000 đồng.Lúc này có Nguyễn Quế T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Phúc V và Nguyễn Duy Đ1 là người cùng xã đi chơi ngang qua thấy các đối tượng đang đánh bạc nên cũng vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 15h 30 phút thì bị tổ công tác công an huyện Yên Thành phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 5.000.000 đồng, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ đĩa cứng, 01 chiếc chiếu nhựa màu nâu vàng; thu giữ trên người của các đối tượng tổng số tiền là 7.320.000 đồng

Quá trình điều tra, làm rõ số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc tổng số tiền là 7.770.000 đồng, cụ thể như sau: Nguyễn Văn N sử dụng 2.400.000 đồng, Phan Quốc Đ sử dụng 1.300.00 đồng, Nguyễn Đăng Q sử dụng 750.000 đồng, Nguyễn Văn P sử dụng 600.000 đồng, Nguyễn Duy Đ1 sử dụng 500.000 đồng, Phan Văn H sử dụng 400.000 đồng, Nguyễn Văn N1 sử dụng 400.000 đồng, Nguyễn Duy H1 sử dụng 370.000 đồng, Lê Xuân L sử dụng 300.000 đồng, Nguyễn Văn H2 sử dụng 300.000 đồng, Nguyễn Quế T sử dụng 200.000 đồng, Nguyễn Duy H3 sử dụng 150.000 đồng và Nguyễn Phúc V sử dụng 100.000 đồng.

Về vật chứng: Số tiền 7.770.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Yên Thành; 01bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 chiếc chiếu màu nâu vàng và 04 quân vị hiện bảo quản

tại khovật chứng công an huyện Yên Thành chở xử lý.

Cáo trạng số: 70/VKS-HS ngày 15/05/2019 của VKSND huyện Yên Thành, Nghệ An truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Phan Quốc Đ, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Văn P, Nguyễn Duy Đ1, Phan Văn H, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Duy H1, Lê Xuân L, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Quế T, Nguyễn Duy H3 và Nguyễn Phúc V về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo như sau:

- Hình phạt:

Hình phạt chính

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị can Nguyễn Văn N từ 10 đến 12 tháng tù.

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt Lê Xuân L từ 08 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thửa thách từ 16 đến 18 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i ; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt Phan Quốc Đ 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s; v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Đăng Q 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i; s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Văn P 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Duy Đ1 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i ; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt Phan Văn H 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i ,s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Văn N1 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i ; s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt bị can Nguyễn Duy H1 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Văn H2 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Quế T 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS. Xử phạt Nguyễn Duy H3 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập mỗi tháng 500.000 đồng trong thời gian bị can chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương.

+/ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS. Xử phạt Nguyễn Phúc V 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng;

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều có nghề nghệp chính là làm ruộng, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng, 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ bìa cứng và 01 chiếc chiếu màu nâu vàng đã qua sử dụng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo quy định.

Xung công quỹ nhà nước số tiền 7.770.000 đồng tiền ngân hàng Việt Nam mà các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc đã được nộp vào số tài khoản tạm giữ 39490104600000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành

- Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ buộc tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa công khai các bị cáo Nguyễn Văn N, Phan Quốc Đ, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Văn P, Nguyễn Duy Đ1, Phan Văn H, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Duy H1, Lê Xuân L, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Quế T, Nguyễn Duy H3 và Nguyễn Phúc V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai trước đây của các bị

cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tài liệu, đồ vật và nội dung kết luận điều tra, cáo trạng. Do đó, đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội "Đánh bạc" đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành đã truy tố.

Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.770.000 đồng, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, các bị cáo có đủ nhận thức và biết rõ việc pháp luật cấm đánh bạc dưới mọi hình thức; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng mà còn ảnhhưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Xuân L, Phan Quốc Đ, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Văn P, Nguyễn Duy Đ1, Phan Văn H, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Quế T, Nguyễn Duy H3 và Nguyễn Phúc V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự (BLHS). Các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Duy Đ1, Phan Quốc Đ, Nguyễn Phúc V, Lê Xuân L, Nguyễn Duy H3 và Nguyễn Đăng Q được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2, Điều 51 BLHS (Bị cáo H, Đ, Q, Đ1, V, L, H2 sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bố bị cáo Phan Văn H được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất và huân chương kháng chiến vẻ vang; bố bị cáo Nguyễn Văn H2 được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì; bố bị cáo Nguyễn Duy Đ1 được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3; bố và mẹ bị cáo Nguyễn Đăng Q được chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An tặng bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Riêng bị cáo Nguyễn Đăng Q được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm v, khoản 1, Điều 51 vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua huấn luyện giai đoạn 1 năm 2001 do Trung đoàn 66, tỉnh Kon Tum tặng Bằng khen); bị cáo Nguyễn Văn N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ

TNHS quy định tại điểm t, khoản 1, Điều 51 BLHS vì đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và giải quyết vụ án.

Các bị cáo khi thực hiện hành vi đánh bạc không có sự bàn bạc, câu kết với nhau từ trước, cho nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và khi áp dụng hình phạt cần phải được phân hóa vai trò cụ thể, đồng thời, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của mỗi bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N tham gia đánh bạc ngày từ đầu, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc nhiều nhất trong vụ án 2.400.000 đồng, do đó bị cáo có vai trò lớn nhất trong vụ án, hình phạt áp dụng đối với bị cáo là cao nhất so với các bị cáo còn lại. Đối với các bị cáo Phan Quốc Đ, Lê Xuân L tham gia đánh bạc từ đầu, số tiền bị cáo Đ dùng vào việc đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án 1.300.000 đồng, bị cáo L có nhân thân xấu từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, do đó bị cáo Đ, L có vai trò ngang nhau và hình phạt áp dụng đối với hai bị cáo là bằng nhau nhưng thấp hơn bị cáo N và cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Duy H1 tham gia đánh bạc số tiền tương đối ít từ 370.000 đồng đến 600.000 đồng, vì vậy các bị cáo có vai trò ngang nhau và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là bằng nhau và thấp hơn các bị cáo N, Đ và bị cáo L. Xét thấy các Nguyễn Văn N, Phan Quốc Đ, Lê Xuân L, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Văn P có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, quản lý cũng đủ nghiêm.

Đối với bị cáo Nguyễn Phúc V, Nguyễn Duy H3, Nguyễn Quế T, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Duy Đ1, Phan Văn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo Vận, Hậu, Tâm tham gia đánh bạc sau cùng với số tiền ít, do đó các bị cáo có vai trò ngang nhau, hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là bằng nhau và thấp hơn các bị cáo khác. Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, cần cho các bị cáo cải tạo tại địa phương và khấu trừ một phần thu nhập cũng đủ tác dụng giáo dục.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng, 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ bìa cứng và 01 chiếc chiếu màu nâu vàng đã qua sử dụng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo quy định.

Xung công quỹ nhà nước số tiền 7.770.000 đồng tiền ngân hàng Việt Nam mà các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc đã được nộp vào số tài khoản tạm giữ 39490104600000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành

[7] Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Về hình phạt:**

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Văn N 12 (Mười hai)** tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Lê Xuân L 09** (**Chín**) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Phan Quốc Đ 09** (**Chín**) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Văn P 06** (**Sáu**) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Duy H1 06** (**Sáu**) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Văn N1 06** (**Sáu**) tháng tù nhưng cho bị cáo được

hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn N, Phan Quốc Đ, Lê Xuân L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Duy H1 và Nguyễn Văn N1 cho Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh N giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Phan Văn H 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/02/2019 đến ngày 12/02/2019 bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Văn H2 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/02/2019 đến ngày 10/02/2019 bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Quế T 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/02/2019 đến ngày 12/02/2019 bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Duy H3 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 06/5/2019 bằng 30 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Phúc V 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/02/2019 đến ngày 10/02/2019 bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3

Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Đăng Q 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/02/2019 đến ngày 10/02/2019 bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Duy Đ1 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Phúc V, Nguyễn Duy H3, Nguyễn Quế T, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Văn H2, và Nguyễn Duy Đ1 cho UBND xã V, huyện Y, tỉnh N giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Khấu trừ một phần thu nhập mỗi bị cáo mỗi tháng cải tạo không giam giữ là: 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

+/ Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều có nghề nghệp chính là làm ruộng, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng, 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ bìa cứng và 01 chiếc chiếu màu nâu vàng đã qua sử dụng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo quy định.

Xung công quỹ Nhà nước số tiền 7.770.000 đồng tiền ngân hàng Việt Nam mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã được nộp vào số tài khoản tạm giữ 39490104600000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành

3. Án phí: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng, 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ bìa cứng và 01 chiếc chiếu màu nâu vàng đã qua sử dụng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo quy định.

Xung công quỹ Nhà nước số tiền 7.770.000 đồng tiền ngân hàng Việt Nam mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã được nộp vào số tài khoản tạm giữ 39490104600000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
-VKSND H. Yên Thành
- TAND tỉnh Nghệ An
- THA DS H. Yên Thành
- Bị cáo; Người bị hại
- Người bào chữa
- Người có QLNVLQ
- lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Hồ Sỹ Cường**